

**BẢN SAO**

**CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VIỆT HÀ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2013**  
**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**



**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo Kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 31



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

### **CÔNG TY**

Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Việt Hà là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 495/QĐ-UB ngày 26 tháng 01 năm 1993 của UBND Thành phố Hà Nội, Quyết định số 220/QĐ-UB ngày 13/12/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty Sản xuất Kinh doanh Đầu tư và Dịch vụ Việt Hà hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con và Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 13/07/2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty mẹ - Công ty Sản xuất Kinh doanh Đầu tư và Dịch vụ Việt Hà thành Công ty TNHH Một thành viên.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100103721 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 11 năm 2010 và thay đổi lần thứ hai ngày 08 tháng 05 năm 2013, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Thương mại Dịch vụ.
- Sản xuất Công nghiệp thực phẩm.
- Liên doanh liên kết.

Trụ sở chính của Công ty tại số 254, phố Minh Khai, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký kinh doanh là 398.000.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi tám tỷ đồng).

Theo Quyết định số 7940/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà từ 398.000.000.000 đồng lên 803.350.000.000 đồng.

### **Các đơn vị trực thuộc:**

Văn Phòng Công ty	254 - Minh Khai - TP Hà Nội
Xí nghiệp sản xuất nước opal	300 đường Trường Chinh - TP Nam Định
Xí nghiệp Đay	Đường Lĩnh Nam - TP Hà Nội

### **Các Công ty con:**

Công ty Cổ phần Tràng An
Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà
Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội

### **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 06 đến trang 31 kèm theo.

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

### **HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng thành viên:**

Ông Nguyễn Ngọc Bảo	Chủ tịch Hội đồng thành viên
Ông Vương Đỗ Hải	Thành viên
Bà Trịnh Thị Hoàn	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc:**

Ông Nguyễn Ngọc Bảo	Tổng Giám đốc
Ông Doãn Thịnh Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Phi Phượng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Kim Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán & Kiểm toán AVINA-IAFC là đơn vị thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục và cam kết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong những năm tới.

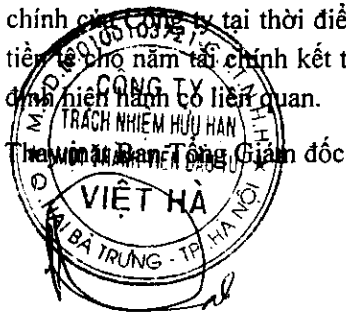
Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng xác nhận tính đầy đủ và hiện hữu của các khoản mục tiền, hàng tồn kho, công nợ phải thu phải trả, tài sản cố định tại ngày 31/12/2013 trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Doãn Thịnh Đạt**

**Phó Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2014

Số : 052/2014/BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà, được lập ngày 05/04/2014 từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Các khoản góp vốn vào các Công ty liên kết và liên doanh đang được kế toán theo phương pháp giá gốc.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Vấn đề khác**

Thay vì đưa ý kiến ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính hợp nhất :

Khoản đầu tư vào Công ty con - Công ty Cổ phần Dược phẩm thiết bị y tế Hà Nội đang được kế toán theo phương pháp giá gốc và số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất chưa bao gồm số liệu của Công ty này. Theo giải trình của Ban Tổng Giám đốc Công ty, tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, Công ty Cổ phần Dược phẩm thiết bị y tế Hà Nội đã được bàn giao về Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC). Theo đó, Công ty không thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm thiết bị y tế Hà Nội. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang phối hợp với các cơ quan chức năng của Thành phố để làm các thủ tục liên quan đến việc ghi giảm khoản vốn góp tại Công ty Cổ phần Dược phẩm thiết bị y tế Hà Nội.

Số liệu tài chính của Trung tâm Ứng dụng Khoa học kỹ thuật Hà Nội (Xí nghiệp Đay) được sáp nhập vào Công ty Sản xuất Kinh doanh Đầu tư và Dịch vụ Việt Hà (nay là Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Việt Hà) theo quyết định số 7955/QĐ-UB ngày 06/12/2005 của UBND thành phố Hà Nội. Số liệu được lấy theo Biên bản bàn giao ngày 28 tháng 09 năm 2006 giữa các Sở, Ban ngành của Thành phố Hà Nội và Công ty Sản xuất kinh doanh Đầu tư và Dịch vụ Việt Hà. Khoản công nợ vay của Ngân hàng Ngoại thương Hà Nội theo giấy xác nhận số dư ngân hàng tại ngày 31/12/2002 là 541.518,53 USD chưa được thể hiện trên Sổ kế toán và Báo cáo tài chính của Trung tâm Ứng dụng Khoa học kỹ thuật Hà Nội (Xí nghiệp Đay). Khoản nợ vay trên cũng xảy ra trước khi Xí nghiệp Đay được sáp nhập vào Công ty Sản xuất Kinh doanh Đầu tư và Dịch vụ Việt Hà và được UBND Thành phố Hà Nội Báo lãnh tại Văn bản số 4866/ĐN-UB ngày 10/11/1989.



**Lại Văn Hùng**  
**Phó Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0907-2013-146-1

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN AVINA-IAFC**

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2014

**Phạm Tuấn Vũ**  
**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2030-2013-146-1

**ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG QUỲNH MẠI**  
**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Ngày: 27-11-2015

Số chứng thực: 6744 Quyền số: 02



**PHÓ CHỦ TỊCH**

*Nguyễn Văn Bình*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>724.037.505.017</b>	<b>362.536.790.851</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>VII.01</b>	<b>51.911.314.376</b>	<b>73.573.474.276</b>
1. Tiền	111		30.921.449.107	49.461.545.343
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.989.865.269	24.111.928.933
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129			
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>522.649.630.293</b>	<b>152.248.124.289</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		65.166.727.246	60.613.199.051
2. Trả trước cho người bán	132		37.411.826.939	28.899.168.102
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		26.914.525.765	20.516.149.994
4. Phải thu theo tiến độ HỖXĐ	134			
5. Các khoản phải thu khác	138	VII.02	397.348.045.218	44.436.848.244
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(4.191.494.875)	(2.217.241.102)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>VII.03</b>	<b>131.601.530.258</b>	<b>117.137.069.005</b>
1. Hàng tồn kho	141		131.601.530.258	117.137.069.005
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>17.875.030.090</b>	<b>19.578.123.281</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		849.769.038	397.334.911
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.168.289.759	7.017.528.176
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	VII.04	5.073.996.308	3.597.076.597
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VII.05	6.782.974.985	8.566.183.597
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>533.012.278.790</b>	<b>628.490.915.683</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.375.917.080</b>	<b>3.173.106.079</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218	VII.06	3.375.917.080	3.173.106.079
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>322.679.087.214</b>	<b>313.695.318.501</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VII.07	284.591.781.553	196.205.740.655
- Nguyên giá	222		444.649.749.828	337.235.270.560
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(160.057.968.275)	(141.029.529.905)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	VII.08	4.744.451.700	
- Nguyên giá	225		4.824.866.136	
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		(80.414.436)	
3. Tài sản cố định vô hình	227	VII.09	13.005.478.210	13.491.157.160
- Nguyên giá	228		16.107.207.540	16.089.484.769
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(3.101.729.330)	(2.598.327.609)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VII.10	20.337.375.751	103.998.420.686
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>VII.11</b>	<b>157.231.300.917</b>	<b>275.789.187.972</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		6.426.000.000	6.426.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		185.689.600.000	258.616.687.972
3. Đầu tư dài hạn khác	258		10.396.500.000	10.746.500.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		(45.280.799.083)	
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>49.725.973.579</b>	<b>35.833.303.131</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VII.12	49.623.973.579	35.592.045.931
2. Tài sản dài hạn khác	268		102.000.000	241.257.200
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.257.049.783.807</b>	<b>991.027.706.534</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013  
 ( Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>571.704.190.823</b>	<b>500.635.101.928</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>459.158.348.228</b>	<b>375.185.095.809</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VII.13	66.883.557.656	75.308.724.025
2. Phải trả người bán	312		126.055.038.013	85.610.312.229
3. Người mua trả tiền trước	313		19.999.797.745	19.217.061.394
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VII.14	28.729.060.392	5.020.387.603
5. Phải trả người lao động	315		20.713.255.317	12.514.118.051
6. Chi phí phải trả	316	VII.15	25.137.649.484	18.085.297.608
7. Phải trả nội bộ	317		27.025.148.228	29.632.560.926
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	VII.16	138.155.957.592	128.646.573.193
9. Quỹ dự khen thưởng, phúc lợi	323		6.458.883.801	1.150.060.780
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>112.545.842.595</b>	<b>125.450.006.119</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	VII.17	38.311.102.015	54.894.832.252
2. Vay và nợ dài hạn	334	VII.18	59.006.991.626	65.386.996.905
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		15.227.748.954	5.168.176.962
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>636.733.937.378</b>	<b>445.493.247.669</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>VII.19</b>	<b>636.733.937.378</b>	<b>445.493.247.669</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		612.633.749.009	352.803.064.017
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.589.508.134	28.319.418.661
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.624.718.550	21.420.801.017
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		11.885.961.685	41.164.615.175
5. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			1.785.348.799
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>			
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>48.611.655.606</b>	<b>44.899.356.937</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.257.049.783.807</b>	<b>991.027.706.534</b>

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
----------	-------	-------------	-------------	------------

1. Ngoại tệ các loại	007		6.775,73	19.544,89 3,27
----------------------	-----	--	----------	-------------------

Chi trách nhiệm kế toán của số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( )



*(Signature)*

*(Signature)*

Doãn Thịnh Đạt

Đặng Trần Kiên

Hoàng Tuấn Tú

Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2014

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VIII.20	974.911.542.152	1.012.136.545.465
2. Các khoản giảm trừ	02	VIII.21	37.005.783.900	40.743.142.399
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VIII.22	937.905.758.252	971.393.403.066
4. Giá vốn hàng bán	11	VIII.23	761.041.953.344	809.987.141.998
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		176.863.804.908	161.406.261.068
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VIII.24	427.822.633.488	43.430.432.873
7. Chi phí tài chính	22	VIII.25	156.330.853.029	21.520.081.341
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.932.361.055	18.128.139.799
8. Chi phí bán hàng	24		159.065.571.123	120.375.672.428
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		69.845.050.803	59.982.507.804
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		219.444.963.441	2.958.432.368
11. Thu nhập khác	31		37.489.701.826	81.749.790.682
12. Chi phí khác	32		22.095.289.359	75.048.944.294
13. Lợi nhuận khác	40		15.394.412.467	6.700.846.388
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		234.839.375.908	9.659.278.756
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VIII.26	27.969.599.585	3.438.896.839
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		206.869.776.323	6.220.381.917
18. Lợi ích của Cổ đông thiểu số	61		6.264.534.232	(462.215.993)
19. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông của Công	62		200.605.242.091	6.682.597.910



Doãn Thịnh Đạt  
 Phó Tổng Giám đốc

Đặng Trần Kiên  
 Kế toán trưởng

Hoàng Tuấn Tú  
 Người lập biểu

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay		CHỈ TIÊU
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			1.038.445.933.546	
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		(935.218.187.465)	1. Doanh thu bán hàng
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(105.158.797.355)	2. Các khoản giảm trừ
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(13.122.368.043)	3. Doanh thu thuần bán và cung cấp dịch vụ
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(3.347.799.868)	4. Giá vốn hàng bán
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		76.401.513.854	5. Lợi nhuận gộp về bán và cung cấp dịch vụ
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		(92.960.212.765)	
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		<b>(34.959.918.096)</b>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>			
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			(19.811.892.104)	6. Doanh thu hoạt động
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		1.150.066.420	7. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		(16.196.027.661)	8. Chi phí bán hàng
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		14.700.000.000	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		(3.500.000.000)	10. Lợi nhuận thuần từ
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		2.250.000.000	11. Thu nhập khác
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		46.983.017.8	12. Chi phí khác
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		<b>25.575.164.46</b>	13. Lợi nhuận khác
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>			14. Tổng lợi nhuận kế toán
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			186.388.850.0	15. Chi phí thuế TNDN
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		(197.653.617.8	16. Chi phí thuế TNDN
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		(1.048.305.1	17. Lợi nhuận sau thuế
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		<b>(12.313.072.1</b>	18. Lợi ích của Cổ đông
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(21.697.826.1	19. Lợi nhuận sau thuế
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		73.573.474	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		35.666	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>60</b>		<b>51.911.31</b>	
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	61			
Thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	62			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>			



Doãn Thịnh Đạt  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2014

Đặng Trần Kiên  
 Kế toán trưởng



Doãn Thịnh Đạt  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 05 tháng 04

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2013

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Việt Hà là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 495/QĐ-UB ngày 26 tháng 01 năm 1993 của UBND Thành phố Hà Nội, Quyết định số 220/QĐ-UB ngày 13/12/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty Sản xuất Kinh doanh Đầu tư và Dịch vụ Việt Hà hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con và Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 13/07/2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty mẹ - Công ty Sản xuất Kinh doanh Đầu tư và Dịch vụ Việt Hà thành Công ty TNHH Một thành viên.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100103721 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 17 tháng 11 năm 2010 và thay đổi lần thứ hai ngày 08 tháng 05 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty tại số 254, phố Minh Khai, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký kinh doanh là 398.000.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi tám tỷ đồng).

Theo Quyết định số 7940/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà từ 398.000.000.000 đồng lên 803.350.000.000 đồng.

**Lĩnh vực kinh doanh**

- Thương mại Dịch vụ.
- Sản xuất Công nghiệp thực phẩm.
- Liên doanh liên kết.

**2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:**

- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý buôn lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong cửa hàng chuyên doanh; Đại lý bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: Kinh doanh thiết bị trường học;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn dược phẩm; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng (trừ răng giả);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng bệnh viện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Trang trí nội thất;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Lập dự án đầu tư xây dựng công trình (không bao gồm lập dự toán, tổng dự toán, và chi phí đầu tư xây dựng công trình);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh. Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất chế biến thực phẩm; Sản xuất đồ uống;
- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn;

- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ. Chi tiết: Bán lẻ đồ uống lưu động tại chợ;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.

**Các đơn vị trực thuộc:**

Văn Phòng Công ty	254 Minh Khai - TP Hà Nội
Xí nghiệp sản xuất nước Opal	300 đường Trường Chinh - TP Nam Định
Xí nghiệp Đay	Đường Lĩnh Nam - TP Hà Nội

**Danh sách các Công ty con được hợp nhất gồm :**

**Công ty Cổ phần Tràng An**

Trụ sở: Phường Nghĩa Đô - Quận Cầu Giấy - TP. Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51,76%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51,76%

**Công ty Cổ phần Bánh mìt kẹo Hà Nội**

Trụ sở: Số 54A Phố Bà Triệu - Hàng Bài - Quận Hoàn Kiếm - Tp. Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà**

Trụ sở: Phú Diễn - Từ Liêm - Tp. Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 88,59%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 88,59%

**Công ty con không được hợp nhất: Công ty Cổ phần Dược phẩm thiết bị y tế Hà Nội**

Công ty Cổ phần Dược phẩm thiết bị y tế Hà Nội đã được bán giao về Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC). Theo đó, Công ty không thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm thiết bị y tế Hà Nội. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang phối hợp với các cơ quan chức năng của Thành phố để làm các thủ tục liên quan đến việc ghi giảm khoản vốn góp tại Công ty Cổ phần Dược phẩm thiết bị y tế Hà Nội

**Danh sách các Công ty liên doanh :**

Nhà máy Bia Đông Nam Á (đến thời điểm 23/12/2013)

Công ty I.B.D (đến thời điểm 23/12/2013)

Công ty TNHH Crow Hà Nội

**Danh sách các Công ty liên kết :**

Công ty Cổ phần Đồng Tháp

Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà

Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế

Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội

## II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, và các qui định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hợp nhất các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (Công ty con) được lập cho từng kỳ theo qui định. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại công ty mẹ và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả nghiệp vụ số dư giữa các công ty trong cùng Công ty mẹ được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

## III. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

1. Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

## IV. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn sửa đổi có liên quan. Ngày 31/12/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC về hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực áp dụng từ ngày 15/02/2010.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành phù hợp với hoạt động của Doanh nghiệp. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung.

## V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

#### 1.1. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn tại thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2012.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán doanh thu hoặc chi phí tài chính

### 1.2. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo được ghi nhận là khoản tương đương tiền.

## 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu và các khoản phải thu khác

### Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có) và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

### Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

## 3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ được đánh giá theo chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

## 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                          |             |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 50 năm |
| - Máy móc thiết bị       | 03 - 15 năm |

- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc theo bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản vốn góp vào công ty liên doanh, liên kết đang được ghi nhận theo phương pháp giá gốc mà chưa được điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 07 - Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết, Chuẩn mực số 08 - Thông tin tài chính về những khoản vốn góp liên doanh.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo qui định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

#### 9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.



**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản chi phí phải trả và dự phòng phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực giao của UBND Thành phố Hà Nội.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu***12.1. Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*12.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*12.3. Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế**

Thuế TNDN thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận

thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## VI ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ THEO KẾT QUẢ KIỂM TRA QUYẾT TOÁN THUẾ CỦA CƠ QUAN THUẾ

Ban Tổng Giám đốc Công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012 căn cứ trên số liệu điều chỉnh với Cơ quan thuế địa phương về việc quyết toán thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2012. Theo đó, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh theo Báo cáo của Công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà, cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu đã kiểm toán năm 2012 VND	Số liệu điều chỉnh theo Biên bản thanh tra thuế VND	Chênh lệch VND
<b>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</b>				
Nợ phải trả	300	500.733.210.532	500.635.101.928	(98.108.604)
Nợ ngắn hạn	310	375.152.392.941	375.185.095.809	32.702.868
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.987.684.735	5.020.387.603	32.702.868
Nợ dài hạn	330	125.580.817.591	125.450.006.119	(130.811.472)
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	130.811.472	-	(130.811.472)
Vốn chủ sở hữu	400	445.406.333.256	445.493.247.669	86.914.413
Vốn chủ sở hữu	410	445.406.333.256	445.493.247.669	86.914.413
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	41.077.700.762	41.164.615.175	86.914.413
Lợi ích của cổ đông thiểu số	439	44.888.162.746	44.899.356.937	11.194.191
Tổng nguồn vốn	440			
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>				
Thu nhập khác	31	81.618.979.210	81.749.790.682	130.811.472
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	9.528.467.284	9.659.278.756	130.811.472
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	3.406.193.971	3.438.896.839	32.702.868
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	6.122.273.313	6.220.381.917	98.108.604
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61	(473.410.184)	(462.215.993)	11.194.191
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	62	6.595.683.497	6.682.597.910	86.914.413

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>1 . Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
Tiền mặt tại quỹ	3.449.936.748	3.499.119.143
Tiền gửi ngân hàng	27.471.512.359	31.424.370.600
Các khoản tương đương tiền	20.989.865.269	24.111.928.933
<b>Cộng</b>	<b>51.911.314.376</b>	<b>73.573.474.276</b>
<b>2 . Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>		
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.535.374.398	21.156.020.524
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	86.369.748	56.479.542
Phải thu khác:	395.726.301.072	23.224.348.178
- Phải thu Công ty CP Bia và Nước giải khát Việt Hà		631.168.409
- Phải thu Xí nghiệp bao dầy Đại Thắng	422.477.000	516.527.000
- Phải thu Công ty CP Xây dựng và Kỹ thuật Việt Nam	377.063.862	-
- Phải thu Công ty TNHH Thương mại vật tư khoa học kỹ thuật	2.980.722.000	2.980.722.000
- Phải thu Công ty TNHH Thương mại kỹ thuật Hồng Sơn	518.181.818	518.181.818
- Phải thu Công ty TNHH VNT	3.498.000.000	3.498.000.000
- Phải thu DNTN XN Cơ khí Long Quân	1.702.500.000	1.702.500.000
- Phải thu Công ty TNHH MTV Bia Huế tiền chuyển nhượng vốn góp tại Công ty liên doanh I.B.D (*)	42.250.000.000	-
- Phải thu Công ty TNHH MTV Bia Huế tiền chuyển nhượng vốn góp tại Công ty liên doanh Nhà máy Bia Đông Nam Á (*)	338.000.000.000	-
- Phải thu Công ty CP Tràng An	-	27.866.937
- Dự án Nghệ An	-	3.002.557.425
- Phải thu về BHXH, Y tế	19.105.334	49.624.343
- Phải thu về KPCĐ		71.518.796
- Phải thu vốn ủy thác đầu tư	1.000.000.000	1.000.000.000
- Phải thu khác	4.958.251.058	9.225.681.450
<b>Cộng</b>	<b>397.348.045.218</b>	<b>44.436.848.244</b>

(\*) Phải thu Công ty TNHH MTV Bia Huế theo các Hợp đồng chuyển nhượng ngày 23/12/2013 giữa bên chuyển nhượng là Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà và bên nhận chuyển nhượng là Công ty TNHH MTV Bia Huế.

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>3 . Hàng tồn kho</b>		
Hàng mua đang đi đường	50.000.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	43.455.217.706	49.435.036.456
Công cụ, dụng cụ	826.116.846	749.829.371
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	63.852.750.912	49.454.279.949
Thành phẩm	12.372.950.461	11.286.432.798
Hàng hóa	10.306.418.661	5.933.064.061
Hàng gửi đi bán	738.075.672	278.426.370
<b>Cộng</b>	<b>131.601.530.258</b>	<b>117.137.069.005</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	131.601.530.258	117.137.069.005

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>4 . Thuế và các khoản phải thu nhà nước</b>		
Thuế thu GTGT hàng bán nộp thừa	73.880.011	18.318.465
Thuế xuất nhập khẩu nộp thừa	87.445.330	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	16.063.500	1.523.646.064
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	57.951.766	43.579.068
Tiền thuê đất, thuế đất	4.837.981.701	2.011.533.000
Thuế khác	674.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.073.996.308</b>	<b>3.597.076.597</b>
<b>5 . Tài sản ngắn hạn khác</b>		
Tạm ứng	6.446.893.268	8.561.183.597
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	336.081.717	5.000.000
<b>Cộng</b>	<b>6.782.974.985</b>	<b>8.566.183.597</b>
<b>6 . Phải thu dài hạn khác</b>		
Phải thu về cổ phần hóa	-	2.986.250
Phải thu chi phí chi hộ Dự án 235 Lạc Long Quân	1.166.400.000	1.166.400.000
Phải thu chi phí chi hộ Dự án Phú Minh	209.517.080	3.719.829
Phải thu tiền góp vốn chuẩn bị Dự án Khu đô thị Việt Hà	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.375.917.080</b>	<b>3.173.106.079</b>

7 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (Chi tiết tại phụ lục số 01)

8 . Tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc Thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>			
Số dư đầu năm	-	-	-
Số tăng trong năm	4.824.866.136	-	4.824.866.136
- <i>Thuê tài chính trong năm</i>	4.824.866.136	-	4.824.866.136
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	4.824.866.136	-	4.824.866.136
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	-	-
Số tăng trong năm	80.414.436	-	80.414.436
- <i>Khấu hao trong năm</i>	80.414.436	-	80.414.436
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	80.414.436	-	80.414.436
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	-	-	-
Tại ngày cuối năm	4.744.451.700	-	4.744.451.700

9 . Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	15.183.025.000	8.792.296	897.667.473	16.089.484.769
Số tăng trong năm	-	-	26.515.067	26.515.067
- Mua trong năm				
- Phân loại lại			26.515.067	26.515.067
Số giảm trong năm	-	8.792.296	-	8.792.296
- Phân loại lại		8.792.296		8.792.296
Số dư cuối năm	15.183.025.000	-	924.182.540	16.107.207.540
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	2.128.790.537	8.792.296	460.744.776	2.598.327.609
Số tăng trong năm	303.660.501	-	211.374.771	515.035.272
- Khấu hao trong năm	303.660.501		211.374.771	515.035.272
Giảm trong năm	-	8.792.296	2.841.255	11.633.551
- Phân loại lại		8.792.296	2.841.255	11.633.551
Số cuối năm	2.432.451.038	-	669.278.292	3.101.729.330
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	13.054.234.463	-	436.922.697	13.491.157.160
Tại ngày cuối năm	12.750.573.962	-	254.904.248	13.005.478.210

10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Mua sắm tài sản cố định

Xây dựng cơ bản dở dang:

- Dự án xây dựng tại 79 Ngọc Khánh
- Dự án xây dựng Hạ tầng Khu công nghiệp Yên Phong
- Dự án vườn sinh thái Việt Hà (Luong Sơn - Hoà Bình)
- Dự án đầu tư Văn phòng và Nhà xưởng sản xuất
- Dự án Nhà máy Tràng An 2 (tại Nghệ An)
- Dự án di chuyển Công ty CP Tràng An tại huyện Quốc Oai
- Dây chuyền bánh gạo số 2 Công ty CP Bánh kẹo Tràng An 2
- Phân xưởng bánh gạo Công ty CP Bánh kẹo Tràng An 2
- Phân xưởng bánh gạo số 2 Công ty CP Bánh kẹo Tràng An 2
- Các công trình khác

Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua sắm tài sản cố định	5.279.077.818	-
Xây dựng cơ bản dở dang:	15.058.297.933	103.998.420.686
- Dự án xây dựng tại 79 Ngọc Khánh	875.556.454	875.556.454
- Dự án xây dựng Hạ tầng Khu công nghiệp Yên Phong	4.260.799.663	4.260.799.663
- Dự án vườn sinh thái Việt Hà (Luong Sơn - Hoà Bình)	569.181.818	317.727.273
- Dự án đầu tư Văn phòng và Nhà xưởng sản xuất	48.096.364	185.134.633
- Dự án Nhà máy Tràng An 2 (tại Nghệ An)	332.582.050	3.002.557.425
- Dự án di chuyển Công ty CP Tràng An tại huyện Quốc Oai	8.972.081.584	84.746.026.785
- Dây chuyền bánh gạo số 2 Công ty CP Bánh kẹo Tràng An 2	-	5.488.877.615
- Phân xưởng bánh gạo Công ty CP Bánh kẹo Tràng An 2	-	795.739.000
- Phân xưởng bánh gạo số 2 Công ty CP Bánh kẹo Tràng An 2	-	3.500.000.000
- Các công trình khác	-	826.001.838
<b>Cộng</b>	<b>20.337.375.751</b>	<b>103.998.420.686</b>

11 . Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

11.1. Đầu tư vào công ty con

- Công ty CP Dược phẩm và Thiết bị Y tế Hà Nội

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
11.1. Đầu tư vào công ty con		6.426.000.000		6.426.000.000
- Công ty CP Dược phẩm và Thiết bị Y tế Hà Nội	642.600	6.426.000.000	642.600	6.426.000.000

<b>11.2. Đầu tư vào công ty liên doanh</b>	<b>37.264.000.000</b>	<b>128.594.687.972</b>
- Công ty liên doanh Nhà máy bia Đông Nam Á	-	85.081.887.972
- Công ty liên doanh IBD	-	6.248.800.000
- Công ty liên doanh TNHH Crown Hà Nội	37.264.000.000	37.264.000.000

(\*) Lý do thay đổi đối với từng khoản đầu tư:

- Giảm vốn tại Công ty liên doanh I.B.D theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn ngày 23/12/2013 giữa Bên chuyển nhượng là Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà và Bên nhận chuyển nhượng là Công ty TNHH MTV Bia Huế. Giá trị chuyển nhượng theo Hợp đồng là 42.250.000.000 đồng (tương đương 2.000.000 USD).

- Giảm vốn tại Công ty liên doanh Nhà máy Bia Đông Nam Á theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn ngày 23/12/2013 giữa Bên chuyển nhượng là Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà và Bên nhận chuyển nhượng là Công ty TNHH MTV Bia Huế. Giá trị chuyển nhượng theo Hợp đồng là 338.000.000.000 đồng (tương đương 16.000.000 USD).

- Ngày 22/11/2013, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội ra Công văn số 8913/UBND-KT v/v chuyển nhượng vốn góp của Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà tại Công ty liên doanh Nhà máy bia Đông Nam Á và Công ty liên doanh I.B.D. Nội dung trong Công văn nêu rõ:

a> Việc chuyển nhượng vốn góp của Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà trong Công ty liên doanh Nhà máy Bia Đông Nam Á:

1. Chấp thuận đề nghị chuyển nhượng vốn góp của Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà tại Công ty liên doanh Nhà máy Bia Đông Nam Á số tiền 7.894.400 USD, tương ứng 85.081.887.972 đồng bằng giá trị quyền sử dụng 11.796 m<sup>2</sup> đất tại địa điểm 167 Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội, tiền mặt và máy móc thiết bị.

2. Chênh lệch giữa số vốn ghi trên Giấy phép đầu tư 528/GPĐC3 ngày 31/3/2004 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp với số vốn Công ty Việt Hà thực góp tại liên doanh liên quan đến khu đất tại xã Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội yêu cầu Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà có trách nhiệm phối hợp với Công ty liên doanh Nhà máy Bia Đông Nam Á liên hệ với các cơ quan quản lý Nhà Nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Phê duyệt giá trị thực tế vốn góp của Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà trong Công ty liên doanh Nhà máy Bia Đông Nam Á là 147.597.861.145 đồng. Đây là mức giá tối thiểu để Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà đàm phán với đối tác nước ngoài trong liên doanh khi thực hiện chuyển nhượng.

b> Việc chuyển nhượng vốn góp của Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà trong Công ty liên doanh I.B.D:

1. Cho phép Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà chuyển nhượng vốn hiện góp tại Công ty liên doanh I.B.D số tiền 400.000 USD, tương đương 6.248.800.000 đồng.

2. Phê duyệt giá trị thực tế vốn góp của Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà trong Công ty liên doanh I.B.D là 30.990.018.881 đồng. Đây là mức giá tối thiểu để Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà đàm phán với đối tác nước ngoài trong liên doanh khi thực hiện chuyển nhượng.

- Đến thời điểm 31/12/2013, Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà đang cùng với các Công ty liên doanh I.B.D và Công ty liên doanh Nhà máy Bia Đông Nam Á làm việc với cơ quan có thẩm quyền để thay đổi đăng ký kinh doanh theo yêu cầu nêu trong các Hợp đồng chuyển nhượng.

<b>11.3. Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>148.425.600.000</b>	<b>130.022.000.000</b>
- Công ty CP Giấy Ngọc Hà	557.200	5.572.000.000
- Công ty CP Dược phẩm Hà Nội	2.516.360	25.163.600.000
- Công ty CP Bia và NGK Việt Hà	8.000.000	80.000.000.000
- Công ty CP Đồng Tháp	354.000	3.540.000.000
- Công ty CP Rượu Quốc Tế	3.415.000	34.150.000.000

(\*\*) Lý do thay đổi đối với từng khoản đầu tư:

- Công ty ghi nhận tăng giá trị vốn góp tại Công ty CP Dược phẩm Hà Nội khoản cổ tức nhận bằng cổ phiếu với giá trị là 16.803.600.000 đồng tương ứng 1.680.360 cổ phiếu theo hướng dẫn tại Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013.

- Góp vốn vào Công ty CP Rượu Quốc tế theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty Cổ phần rượu Quốc tế ngày 10/04/2012.

<b>11.4. Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>10.396.500.000</b>		<b>10.746.500.000</b>
- Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội	411.650	4.116.500.000	411.650	4.116.500.000
- Quỹ thành viên Vietcombank		2.750.000.000		5.000.000.000
- Công ty CP DL Khai khoáng Bắc Kạn	3.000	30.000.000	3.000	30.000.000
- Công ty CP Đô thị sinh thái Vân Nội	200.000	2.000.000.000		100.000.000
- Công ty CP Bánh kẹo Tràng An 3 - VN	150.000	1.500.000.000	150.000	1.500.000.000
<b>Cộng</b>		<b>202.512.100.000</b>		<b>275.789.187.972</b>

(\*\*\*) Lý do thay đổi đối với từng khoản đầu tư:

- Giảm vốn tại Quỹ thành viên Vietcombank theo thông báo số 1613/VCBF ngày 08/04/2013 của Công ty Liên doanh Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank.

- Góp vốn vào Công ty CP Đô thị sinh thái Vân Nội theo thông báo TB-VANNOI tháng 3/2012 v/v góp vốn thành lập Công ty và thông báo số 05/TB-VANNOI ngày 02/12/2013.

<b>11.5. Dự phòng giảm giá đầu tư các khoản đầu tư tài chính</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Trích lập dự phòng Công ty CP Bia và NGK Việt Hà	14.208.829.603	-
- Trích lập dự phòng Công ty CP Đồng Tháp	3.540.000.000	-
- Trích lập dự phòng Công ty CP Rượu Quốc Tế	27.531.969.480	-
<b>Cộng</b>	<b>45.280.799.083</b>	<b>-</b>

<b>12. Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Lợi thế vị trí địa lý	2.645.090.034	4.349.964.422
Tiền thuê đất KCN Thạch Thất	29.053.002.136	-
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	13.568.106.235	15.302.795.421
Chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại	3.010.785.568	12.762.909.191
Chi phí cải tạo, sửa chữa, san lấp mặt bằng	23.217.352	120.840.846
Chi phí lắp đặt nhà khung	-	40.025.635
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.323.772.254	3.015.510.416
<b>Cộng</b>	<b>49.623.973.579</b>	<b>35.592.045.931</b>

<b>13. Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Vay ngắn hạn	64.956.501.656	73.406.748.025
- Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (a)	19.962.020.933	19.905.404.765
- Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long (b)	22.924.170.980	27.062.779.517
- Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (c)	22.070.309.743	26.438.563.743
Vay dài hạn đến hạn trả	1.927.056.000	1.901.976.000
<b>Cộng</b>	<b>66.883.557.656</b>	<b>75.308.724.025</b>

**Chi tiết vay ngắn hạn:**

(a) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 355/13/HM ngày 30/9/2013, hạn mức vay 20.000.000.000 đồng, thời hạn vay 6 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp số 122/10/OTO/VCBTL ngày 22/6/2010 và phụ lục số 02 ngày 10/9/2013; Hợp đồng thế chấp số 05/08/OTO ngày 10/1/2008 và phụ lục số 02 ngày 10/9/2013; Hợp đồng thế chấp số 351/2009/VCBTL ngày 25/8/2009 và phụ lục số 02 ngày 10/9/2013; Hợp đồng thế chấp số 01/07/NHNT.TL ngày 16/8/2007 và phụ lục số 02 ngày 10/9/2013; Hợp đồng thế chấp số 75/08/MMTB ngày 05/3/2008 và phụ lục số 02 ngày 10/9/2013; Hợp đồng thế chấp số 71/2010/VCBTL ngày 22/4/2010 và phụ lục số 02 ngày 10/9/2013

(b) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long theo Hợp đồng tín dụng số 12.77.0001/HĐTD ngày 28/10/2012, hạn mức vay 33.000.000.000 đồng, thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ nhưng không quá 6 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng dây chuyền máy móc, quyền sử dụng đất thuê trả tiền 1 lần, tài sản gắn liền trên đất và tài sản hình thành từ vốn vay.

(c) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An theo Hợp đồng tín dụng số 01/2013-HĐTDHM/NHCT440-TA2 ngày 20/9/2013, hạn mức vay 30.000.000.000 đồng, thời hạn vay theo giấy nhận nợ từng lần tối đa không quá 05 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp số 01/2011/TA2/HĐTC ngày 18/3/2011, hợp đồng thế chấp số 01/2012/TA2/HĐTC ngày 08/11/2012 và hợp đồng thế chấp số 01/2013/TA2/HĐTC ngày 13/9/2013.

**Chi tiết vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số 18)**

14 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	2.208.387.835	2.154.615.485
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.136.917.646	967.723.249
Thuế thu nhập cá nhân	92.783.577	85.220.048
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.138.754.234	1.660.611.721
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	152.217.100	152.217.100
<b>Cộng</b>	<b>28.729.060.392</b>	<b>5.020.387.603</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . Chi phí phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	4.739.209.477	136.820.871
Trích trước chi phí khuyến mại doanh số	498.318.053	498.318.053
Trích trước chi phí tiêu thụ hàng trong năm	1.558.948.042	1.568.638.938
Trích trước chi phí hội nghị khách hàng	-	500.000.000
Trích trước chi phí cho các công trình	12.742.226.494	9.618.655.076
Chi phí đào tạo	162.991.818	-
Chi phí phải trả khác	5.435.955.600	5.762.864.670
<b>Cộng</b>	<b>25.137.649.484</b>	<b>18.085.297.608</b>



	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>16 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>		
Kinh phí công đoàn	1.413.276.529	1.991.890.600
Bảo hiểm xã hội	298.967.161	316.523.067
Bảo hiểm y tế	140.356.368	386.073.198
Bảo hiểm thất nghiệp	131.802.018	186.444.407
Cổ tức phải trả	1.909.180.000	13.285.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác:	134.262.375.516	125.752.356.921
- Phải trả Công ty CP Bì và Nước giải khát Việt Hà	-	301.903.138
- Phải trả Công ty CP Sông Đà Thăng Long	6.000.000.000	6.000.000.000
- Phải trả Công ty CP Xây dựng và Kỹ thuật Việt Nam	23.568.456.335	23.568.456.335
- Phải trả Xi nghiệp bao đay Đại Thăng		611.177.000
- Phải trả chi phí hỗ trợ di dời	92.727.032.257	81.485.774.762
- Phải trả Công ty CP Bánh kẹo Tràng An 2	1.542.890.100	498.600.584
- Phải trả Công ty CP Rượu Quốc tế	461.050.649	-
- Phải trả vốn nhận ủy thác đầu tư	1.000.000.000	1.000.000.000
- Phải trả về mượn vốn kinh doanh	5.000.000.000	5.000.000.000
- Phải trả lãi tín phiếu chuyển đổi	-	929.836.500
- Mua hàng hóa chưa nhận được hóa đơn	1.583.903.118	-
- Phải trả khác	2.379.043.057	6.356.608.602
<b>Cộng</b>	<b>138.155.957.592</b>	<b>128.646.573.193</b>
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>17 . Phải trả dài hạn khác</b>		
Phải trả về cổ phần hóa	-	1.299.170.000
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	9.920.258.000	9.647.158.000
Phải trả Công ty CP Tràng An	-	18.861.189.740
Phải trả đối tác liên quan đến Dự án Phú Minh	208.195.818	208.195.818
Phải trả đối tác liên quan đến Dự án 154 Cầu Diễn	10.100.854.375	7.086.106.375
Phải trả đối tác liên quan đến Dự án Khu đô thị Việt Hà	6.267.786.206	5.979.004.703
Phải trả khách hàng góp vốn thực hiện Dự án	11.814.007.616	11.814.007.616
<b>Cộng</b>	<b>38.311.102.015</b>	<b>54.894.832.252</b>
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>18 . Vay dài hạn và nợ dài hạn</b>		
Vay dài hạn	30.772.614.042	41.143.821.555
- Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	-	12.216.809.488
- Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long (a)	12.380.855.527	8.784.517.197
- Vay Ngân hàng NN và PTNT VN - CN Hoàng Mai (b)	1.995.000.000	-
- Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (c)	15.487.074.635	17.307.814.990
- Vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (d)	909.683.880	2.834.679.880
- Vay Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) (e)	784.000.000	-
Nợ dài hạn	4.295.827.584	1.088.625.350
Tín phiếu phát hành	23.154.550.000	23.154.550.000
<b>Cộng</b>	<b>59.006.991.626</b>	<b>65.386.996.905</b>

**Chi tiết vay dài hạn:**

(a) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long theo theo Hợp đồng tín dụng số 12.77.0005/HĐTD ngày 16/11/2012. Số tiền vay: 16.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Đầu tư mua sắm mới dây chuyền sản xuất bánh kẹo cao cấp. Thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất vay: thả nổi và được điều chỉnh 01 tháng/lần. Hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.

(b) Vay dài hạn Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai theo Hợp đồng tín dụng số 1240LAV201300406/HĐTD ngày 31/12/2013, số tiền vay 1,995 tỷ đồng, thời hạn vay 60 tháng. Mục đích vay để mua xe ô tô đưa đón cán bộ công nhân viên, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 12% và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

(c) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An theo các Hợp đồng tín dụng:

+ Hợp đồng tín dụng số 03/2012/TA2/HĐTD ngày 29/11/2013, hạn mức vay 10.000.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất theo thông báo của Ngân hàng. Mục đích vay để đầu tư nhà xưởng sản xuất bánh gạo - Rice Cracker No2. Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp số 01/2011/TA2/HĐTC ngày 18/3/2011, Hợp đồng thế chấp số 01/2012/TA2/HĐTC ngày 08/11/2012

+ Hợp đồng tín dụng số 02/2012/TA2/HĐTD ngày 08/11/2012, hạn mức vay 15.600.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất theo thông báo của Ngân hàng. Mục đích vay để đầu tư nhà xưởng, máy móc thiết bị sản xuất bánh gạo (Rice Cracker) và Snack. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay và toàn bộ hệ thống nhà xưởng, các công trình trên đất tại nhà máy sản xuất bánh kẹo Trảng An 2.

(d) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam theo các Hợp đồng tín dụng:

+ Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1700-LAV-201101225 ngày 04/05/2011. Số tiền vay: 230.498 USD hoặc VND tương đương. Mục đích vay: thanh toán tiền nhập khẩu máy móc, thiết bị. Thời hạn vay: 48 tháng. Lãi suất vay: 7,2%/năm. Hình thức bảo đảm tiền vay: tài sản.

+ Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1700-LAV-201101524 ngày 27/07/2011. Số tiền vay: 134.798 USD hoặc VND tương đương. Mục đích vay: thanh toán tiền nhập khẩu máy móc, thiết bị. Thời hạn vay: 48 tháng. Lãi suất vay: 8,6%/năm. Hình thức bảo đảm tiền vay: tài sản.

(e) Vay dài hạn Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng theo Hợp đồng tín dụng số 021013-956622-01-SME ngày 04/10/2013, số tiền vay 869.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng. Mục đích vay để mua xe Toyota hiace 16 chỗ, lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là 12,8% và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

**Chi tiết nợ dài hạn:**

+ Nợ dài hạn Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam số tiền 3.207.202.234 đồng theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 21.13.05/CTTC ngày 06/8/2013, thời hạn thuê là 5 năm, lãi suất theo thông báo của Ngân hàng.

+ Nợ dài hạn khác: 1.088.625.350 đồng.

Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam: 1.927.056.000 đồng.

**19. Vốn chủ sở hữu****19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Xem phụ lục số 02)****19.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	612.633.749.009	352.803.064.017
Vốn góp của các đối tượng khác		
<b>Cộng</b>	<b>612.633.749.009</b>	<b>352.803.064.017</b>

19.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận.	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	352.803.064.017	352.803.064.017
+ Vốn góp tăng trong kỳ	259.830.684.992	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	612.633.749.009	352.803.064.017

**VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

20 . Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	893.009.658.758	894.106.235.734
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	9.260.917.417
Doanh thu hợp đồng xây dựng	54.808.563.425	86.835.618.755
Doanh thu cho thuê nhà, quản lý điện	27.093.319.969	21.933.773.559
<b>Cộng</b>	<b>974.911.542.152</b>	<b>1.012.136.545.465</b>
21 . Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	24.379.781.381	21.845.343.313
Giảm giá hàng bán	8.495.288.805	5.020.229.530
Hàng bán bị trả lại	4.130.713.714	5.704.192.510
Thuế TTĐB	-	8.173.377.046
<b>Cộng</b>	<b>37.005.783.900</b>	<b>40.743.142.399</b>
22 . Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần bán hàng	856.003.874.858	853.363.093.335
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	-	9.260.917.417
Doanh thu của hợp đồng xây dựng	54.808.563.425	86.835.618.755
Doanh thu cho thuê nhà, quản lý điện	27.093.319.969	21.933.773.559
<b>Cộng</b>	<b>937.905.758.252</b>	<b>971.393.403.066</b>
23 . Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	684.748.960.745	700.288.377.555
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	1.695.921.794
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	54.335.148.334	85.511.718.113
Giá vốn của dịch vụ cho thuê nhà, quản lý điện	21.957.844.265	16.824.257.491
Xử lý chênh lệch kiểm kê thiếu năm 2012 Công ty CP Bán kẹo Tràng An 2	-	5.666.867.045
<b>Cộng</b>	<b>761.041.953.344</b>	<b>809.987.141.998</b>

24 . Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.463.100.456	6.439.639.838
Cổ tức, lợi nhuận được chia	42.027.440.393	29.671.784.417
Doanh thu từ chuyển nhượng vốn	380.250.000.000	392.000.000
Thù lao HĐQT, BKS các đơn vị thành viên	701.920.000	530.273.846
Bán quyền nhãn hiệu Nhà máy Bia	-	1.669.200.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	3.411.264
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	36.268.090	33.730
Doanh thu lãi vay Công ty CP Bánh kẹo Tráng An 2	-	4.539.762.614
Doanh thu hoạt động tài chính khác	343.904.549	184.327.164
<b>Cộng</b>	<b>427.822.633.488</b>	<b>43.430.432.873</b>
25 . Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	16.932.361.055	17.198.303.299
Chiết khấu thanh toán	248.307.723	-
Lãi tiền vay chi trả hộ Công ty CP Bánh kẹo Tráng An 2	-	1.744.740.786
Lãi tín phiếu	-	929.836.500
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	60.714.944	21.071.064
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	45.280.799.083	-
Khấu hao cho thuê tài chính	-	50.573.111
Chi phụ cấp Ban kiểm soát, HĐQT	1.213.500.000	1.156.000.000
Chi phí thẩm định giá cổ phần	-	129.090.909
Chi phí bán quyền nhãn hiệu hàng hóa	-	189.189.000
Chuyển nhượng vốn góp tại Công ty liên doanh I.B.D	6.248.800.000	-
Chuyển nhượng vốn góp tại Công ty liên doanh Nhà máy bia Đông Nam Á	85.081.887.972	-
Chi phí tài chính khác	1.264.482.252	101.276.672
<b>Cộng</b>	<b>156.330.853.029</b>	<b>21.520.081.341</b>
26 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN tại Công ty mẹ	23.973.735.726	-
Chi phí thuế TNDN tại các Công ty con	3.995.863.859	3.438.896.839
<b>Cộng</b>	<b>27.969.599.585</b>	<b>3.438.896.839</b>

**IX . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1 . Thông tin về các bên liên quan**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên có liên quan chủ yếu như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Giá trị giao dịch (đ)</u>
<b>Giao dịch mua</b>			
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	Công ty liên kết	Mua vật tư, bia, dịch vụ bảo quản bia, thuê keg	209.118.426.280
Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế	Công ty liên kết	Mua rượu	2.508.421.675
Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế	Công ty liên kết	Hỗ trợ chi phí	461.050.649
<b>Giao dịch bán</b>			
Công ty TNHH Crown Hà Nội	Công ty Liên doanh	Lợi nhuận được chia năm 2011, 2012	20.334.965.995
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	Công ty liên kết	Doanh thu bán nguyên liệu, nước Opal	4.576.086.223
Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế	Công ty liên kết	Vật tư	2.015.964
Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà	Công ty liên kết	Doanh thu bán rượu, bia	25.818.200
Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	677.874.398
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	17.639.600.000

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên có liên quan như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Giá trị khoản phải thu (+)/phải trả (-)</u>
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng - Tiền hàng	11.348.700
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	Công ty liên kết	Phải trả người bán - Tiền hàng, cung cấp dịch vụ	(4.615.735.925)
Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng - Tiền hàng	4.250.000
Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế	Công ty liên kết	Phải trả khác - Tiền hỗ trợ chi phí	(461.050.649)
Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế	Công ty liên kết	Trả trước cho người bán - Tiền hàng	5.912.116.080
Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng - Tiền hàng	3.300.000
Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà	Công ty liên kết	Phải thu khác - Tiền cổ tức	677.874.398

2 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán & Kiểm toán AVINA-IAFC. Số liệu đã được điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra thuế như đã trình bày tại thuyết minh số VI.



Doãn Thịnh Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2014

Đặng Trần Kiên

Kế toán trưởng

Hoàng Tuấn Tú

Người lập biểu

Phụ lục số 01: Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị DCQL	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
						Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>						
Số dư đầu kỳ	115.953.544.693	191.190.238.278	20.274.785.633	9.816.701.956		337.235.270.560
Số tăng trong năm	69.405.228.304	47.032.373.976	3.389.106.894	5.806.257.600	-	125.632.966.774
- <i>Nhà trong năm</i>		12.836.896.406	3.389.106.894	236.914.492		16.462.917.792
- <i>Đầu tư XDCB hoàn thành</i>	69.405.228.304	33.405.580.145				102.810.808.449
- <i>Phân loại lại</i>		789.897.425		5.569.343.108		6.359.240.533
Số giảm trong năm	3.764.614.587	9.396.190.384	1.708.758.866	3.348.923.669	-	18.218.487.506
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	227.236.670	2.416.619.979	1.698.758.866	29.222.571		4.371.838.086
- <i>Phân loại lại</i>	391.508.397	6.979.570.405	10.000.000	3.319.701.098		10.700.779.900
- <i>Giảm khác</i>	3.145.869.520					3.145.869.520
Số dư cuối năm	181.594.158.410	228.826.421.870	21.955.133.661	12.274.035.887	-	444.649.749.828
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	29.784.822.409	96.487.725.957	9.758.472.849	4.998.508.690		141.029.529.905
Số tăng trong năm	6.268.553.922	17.994.205.504	2.550.427.028	7.181.434.678	-	33.994.621.132
- <i>Khấu hao trong năm</i>	6.268.553.922	17.991.499.647	2.544.817.900	1.461.190.920		28.266.062.389
- <i>Phân loại lại</i>		2.705.857	5.609.128	5.720.243.758		5.728.558.743
Số giảm trong năm	2.816.256.891	7.742.849.193	1.483.735.045	2.923.341.633	-	14.966.182.762
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	8.332.016	804.889.039	1.444.155.331	692.043.474		2.949.419.860
- <i>Phân loại lại</i>	287.434.841	6.937.960.154	39.579.714	2.231.298.159		9.496.272.868
- <i>Giảm khác</i>	2.520.490.034					2.520.490.034
Số dư cuối năm	33.237.119.440	106.739.082.268	10.825.164.832	9.256.601.735	-	160.057.968.275
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	86.168.722.284	94.702.512.321	10.516.312.784	4.818.193.266	-	196.205.740.655
Tại ngày cuối năm	148.357.038.970	122.087.339.602	11.129.968.829	3.017.434.152	-	284.591.781.553

## Phụ lục số 02: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	352.803.064.017	27.897.622.903	20.187.284.059	1.785.348.799	48.113.858.658	450.787.178.436
Tăng vốn trong năm	-				6.682.597.910	6.682.597.910
Lãi trong năm trước	-	495.615.679	1.187.269.146			1.682.884.825
Trích lập các quỹ từ LN sau thuế	-		46.247.812		27.795.279	74.043.091
Tăng khác	-				2.776.275.000	2.776.275.000
Tăng theo Biên bản kiểm toán Nhà Nước	-					
Giảm vốn trong năm trước	-					
Trích lập các quỹ từ LN sau thuế	-				(15.944.491.843)	(15.944.491.843)
Giảm khác	-	(73.819.921)			(491.419.829)	(565.239.750)
Số dư cuối năm trước	352.803.064.017	28.319.418.661	21.420.801.017	1.785.348.799	41.164.615.175	445.493.247.669
Tăng vốn trong năm (*)	259.830.684.992					259.830.684.992
Trích lập các quỹ từ LN sau thuế	-	59.722.225.396	659.395.243			60.381.620.639
Lãi trong năm nay	-				200.605.242.091	200.605.242.091
Tăng khác	-	2.244	1.122		250.000.030	250.003.396
Giảm do kết chuyển nguồn	-	(78.452.138.167)	(19.455.478.832)	(1.785.348.799)		(99.692.965.798)
Giảm khác	-					
Phân phối lợi nhuận					(171.813.594)	(171.813.594)
Số dư cuối năm nay	612.633.749.009	9.589.508.134	2.624.718.550	-	(229.962.082.017)	(229.962.082.017)

Đơn vị tính: VND

(\*) Tăng vốn trong năm do phân phối lợi nhuận, kết chuyển nguồn và theo Quyết định số 7940/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của UBND Thành phố Hà Nội v/v điều chỉnh tăng vốn điều lệ.

